



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 42

71
KẾ TOÁN
TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Ramoncito S. Fernandez	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2015)
Ông Rodrigo E. Franco	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Roberto V. Bontia	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2015)
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc tài chính

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 25.08/2015/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) được lập ngày 27 tháng 8 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 42. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ
TƯ VẤN TÀI CHÍNH
QUỐC TẾ
Đ. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

Phạm Tiên Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2013-072-1

Lương Giang Thạch
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2013-072-1

TP. Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015


Mẫu số B 01a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		199.701.298.586	130.331.059.173
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.170.311.919	7.460.931.974
1. Tiền	111	5	3.170.311.919	7.460.931.974
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		169.622.727.469	100.711.681.418
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	57.806.150.493	54.084.767.728
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.524.914.207	3.525.161.697
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	114.027.476.423	46.996.363.768
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(4.735.813.654)	(3.894.611.775)
IV. Hàng tồn kho	140	9	24.299.205.862	20.376.150.484
1. Hàng tồn kho	141		24.926.813.434	21.003.758.056
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(627.607.572)	(627.607.572)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.609.053.336	1.782.295.297
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		128.810.807	93.941.251
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		792.873.916	985.433
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	1.687.368.613	1.687.368.613
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.066.894.946.695	1.239.720.393.579
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		308.567.000.000	-
4. Phải thu về cho vay dài hạn	215	11	308.567.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		1.616.656.270	709.591.259
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.594.164.283	684.599.270
- Nguyên giá	222		1.817.114.201	854.759.656
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222.949.918)	(170.160.386)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	22.491.987	24.991.989
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.508.013)	(25.008.011)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		147.203.091	129.021.273
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		147.203.091	129.021.273
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	2.756.564.087.334	1.238.738.302.478
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.322.987.432.022	1.027.192.076.068
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		218.144.021.376	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.902.900.000	2.902.900.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.902.900.000)	(2.902.900.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		215.432.633.936	211.546.226.410
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	143.478.569
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	143.478.569
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.266.596.245.281	1.370.051.452.752


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu số B 01a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.444.022.771.582	1.075.124.134.626
I. Nợ ngắn hạn	310		1.033.603.013.186	120.685.766.327
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	19.815.786.544	28.688.495.191
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.451.984.517	8.932.118.668
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	42.415.718	2.134.815
4. Phải trả người lao động	314		45.296.109	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	13.616.465.607	15.662.221.078
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		246.201.729	250.747.717
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	47.867.643.209	506.779.105
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	931.678.500.000	58.280.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.838.719.753	8.363.269.753
II. Nợ dài hạn	330		1.410.419.758.396	954.438.368.299
7. Phải trả dài hạn khác	337	18	1.035.700.858.646	779.531.468.549
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	374.718.899.750	174.906.899.750
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		822.573.473.699	294.927.318.126
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	822.573.473.699	294.927.318.126
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		728.547.650.000	225.169.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		728.547.650.000	225.169.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	(5.362.083.904)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.180.864.378	8.180.864.378
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.187.211.225	66.938.987.652
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		40.044.578.720	3.033.448.266
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		42.142.632.505	63.905.539.386
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.266.596.245.281	1.370.051.452.752


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 8 năm 2015


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	94.547.132.276	105.741.544.324
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	77.253.499	255.188.734
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		94.469.878.777	105.486.355.590
4. Giá vốn hàng bán	11	23	92.617.983.148	86.664.512.058
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.851.895.629	18.821.843.532
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	115.202.423.789	943.762.168
7. Chi phí tài chính	22	25	71.695.553.371	6.645.792.177
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		70.911.378.281	6.645.792.177
8. Chi phí bán hàng	25	26	326.067.807	1.903.984.426
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	2.896.593.728	2.414.575.192
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.136.104.512	8.801.253.905
11. Thu nhập khác	31		27.625.420	578.871.588
12. Chi phí khác	32		21.097.427	80.210.293
13. Lợi nhuận khác	40		6.527.993	498.661.295
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.142.632.505	9.299.915.200
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	698.363.536
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.142.632.505	8.601.551.664
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	682	568


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 8 năm 2015


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B 03a-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		103.777.754.329	115.633.746.890
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(103.722.532.816)	(88.975.753.861)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.189.567.465)	(7.177.792.522)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(50.572.844.305)	(1.544.026.207)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(2.973.818.603)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.273.855.284	34.300.336.087
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.778.601.506)	(44.861.076.966)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(53.211.936.479)	4.401.614.818
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(769.476.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18.123.403.068	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(322.467.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.295.673.340	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.265.887.997.750)	(17.600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.985.000.000	14.600.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.472.879.042	26.566.921
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.510.478.042.300)	(3.742.909.079)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		512.547.052.000	-
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(5.362.083.904)
3. Tiền thu từ đi vay	33	19	1.186.510.500.000	257.096.838.289
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(113.140.000.000)	(255.396.274.608)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.518.627.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.559.398.924.800	(3.661.520.223)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.291.053.979)	(3.002.814.484)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.460.931.974	6.759.914.370
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		433.924	284.136
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.170.311.919	3.757.384.022

Dương Thị Nhung

Người lập biểu

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Văn Thông

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (trước đây là Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia), (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 728.547.650.000 VND, được chia thành 72.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 6 (31 tháng 12 năm 2014: 3).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp;
- Xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng;
- Khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ, Công ty đã nhận chuyển nhượng các công ty quản lý các dự án cầu đường như Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận; Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội và Công ty TNHH BOT Rạch Miễu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Trong kỳ, Công ty đã phát hành 50.337.810 cổ phần, tương đương 503.378.100.000 VND, tăng vốn điều lệ từ 225.169.550.000 VND lên 728.547.650.000 VND.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào sáu công ty con, hai công ty liên doanh, liên kết và đầu tư gián tiếp vào một công ty, thông tin chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Cấu trúc Công ty

Công ty con đầu tư trực tiếp

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp.Hồ Chí Minh, Ninh Thuận	100%	100%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp.Hồ Chí Minh, Ninh Thuận	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Tp.Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	Tp.Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp.Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp.Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội

Công ty con đầu tư gián tiếp qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	49,75%	49,75%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng Cầu Rạch Miễu
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh, Tiền Giang	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200. Một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư này (xem chi tiết tại Thuyết minh số 33), do đó số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng này của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu về cho vay, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư hoặc có thời hạn thu hồi còn lại dưới ba tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc
Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Số năm
10 - 50
5 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	10.422.905	211.835.241
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.159.889.014	7.249.096.733
Cộng	3.170.311.919	7.460.931.974

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty CP Him Lam	13.917.143.479	16.181.362.569
Công ty TNHH Xây dựng Số 9 và Công ty CP Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	6.589.372.261	-
Ông Trịnh Văn Hà	6.300.000.023	6.300.000.023
Công ty TNHH DVTM-XD Đông Mê Kông	5.522.362.351	-
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (xem chi tiết tại Thuyết minh số 29)	1.826.381.426	7.009.392.857
<i>Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII</i>	850.996.290	850.996.290
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</i>	-	191.592.923
<i>Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn</i>	225.643.033	225.643.033
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Phát triển Ninh Thuận</i>	424.752.103	424.752.103
<i>Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia</i>	-	5.316.408.508
<i>Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	324.990.000	-
Các khách hàng khác	23.650.890.953	24.594.012.279
Cộng	57.806.150.493	54.084.767.728

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	105.080.346.255	7.474.404.488
<i>Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	7.389.543.057
<i>Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn</i>	80.172.539.545	84.861.431
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</i>	24.907.806.710	-
Phải thu người lao động	62.924.000	19.924.000
Ký cược, ký quỹ	9.000.000	9.000.000
Các khoản chi hộ	54.743.113	140.962.288
<i>Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</i>	-	1.046.388
<i>Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia</i>	-	31.111.568
<i>Khách hàng mua căn hộ</i>	54.743.113	108.804.332
Phải thu khác	8.820.463.055	39.352.072.992
<i>Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	20.815.288.557
<i>Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn</i>	3.900.000.000	-
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc</i>	4.262.081.688	-
<i>Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</i>	250.000.000	18.128.403.068
<i>Khoản nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cơ khí điện Lữ Gia</i>	283.640.353	283.640.353
<i>Phải thu đối tượng khác</i>	124.741.014	124.741.014
Cộng	114.027.476.423	46.996.363.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	30/06/2015		01/01/2015		Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Phải thu từ ứng trước tiền hàng	820.000.000	-	820.000.000	-	Công ty CP Kim Sơn Hải
Phải thu thi công công trình	427.411.458	-	460.983.579	-	Công ty CTGT 621
Phải thu thi công công trình	1.164.784.432	-	1.164.784.432	-	Các khách hàng khác
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	528.185.000	-	528.185.000	528.185.000	Công ty TNHH TK KT XD QLDA Sáng Tạo Mới
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	352.270.000	105.681.000	352.270.000	352.270.000	Công ty TNHH PT CN Môi Trường Phan Việt
Phải thu từ bán hàng hóa	987.668.397	-	887.668.397	-	Các khách hàng khác
Phải thu khác	561.175.367	-	561.175.367	-	Các đối tượng khác
Cộng	4.841.494.654	105.681.000	4.775.066.775	880.455.000	
Giá trị đã lập dự phòng		4.735.813.654		3.894.611.775	

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.650.364	(32.650.364)	32.650.364	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	1.456.000	(1.456.000)	1.456.000	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.299.205.862	-	20.376.150.484	-
<i>Chi phí thi công xây lắp dở dang</i>	<i>10.081.677.774</i>	<i>-</i>	<i>20.376.150.484</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí lãi vay đầu tư các dự án B.O.T</i>	<i>14.217.528.088</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thành phẩm	528.730.757	(528.730.757)	528.730.757	(528.730.757)
Hàng hóa	64.770.451	(64.770.451)	64.770.451	(64.770.451)
Cộng	24.926.813.434	(627.607.572)	21.003.758.056	(627.607.572)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho thể hiện giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển, lỗi thời. Công ty chưa có hướng xử lý đối với số lượng hàng tồn kho này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.110.797.025	1.110.797.025
Tiền thuế đất nộp thừa	576.571.588	576.571.588
Cộng	1.687.368.613	1.687.368.613

11. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	308.567.000.000	-

Công ty cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc vay dài hạn số tiền 308.567.000.000 đồng để góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay này đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho khoản vay này kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2017 là 8,5%/năm. Kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2017 cho đến khi khoản nợ gốc được thanh toán hết, lãi suất cho vay áp dụng là 0%. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc tại Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	854.759.656	-	854.759.656
Mua trong kỳ	-	962.354.545	962.354.545
Tại ngày 30/06/2015	854.759.656	962.354.545	1.817.114.201
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	170.160.386	-	170.160.386
Khấu hao trong kỳ	42.902.328	9.887.204	52.789.532
Tại ngày 30/06/2015	213.062.714	9.887.204	222.949.918
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	684.599.270	-	684.599.270
Tại ngày 30/06/2015	641.696.942	952.467.341	1.594.164.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Bản quyền phần mềm
VND

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2015 và tại ngày 30/06/2015

50.000.000

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015

25.008.011

Khấu hao trong kỳ

2.500.002

Tại ngày 30/06/2015

27.508.013

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2015

24.991.989

Tại ngày 30/06/2015

22.491.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty con

	30/06/2015		01/01/2015	
	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền %
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	0%	0%
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	99,99%	0%	0%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	0%	0%
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	99,81%	99,81%	99,81%	99,81%
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	89,98%	89,98%	89,98%	89,98%
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51,00%	51,00%	0%	0%
Cộng				
				1.027.192.076.068

Công ty không xác định giá trị hợp lý của các công ty con tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng do chưa có hướng dẫn cụ thể và nhất quán về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán các khoản đầu tư này.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2015		01/01/2015	
	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền %
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	49,75%	49,75%	0%	0%
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	10,00%	10,00%	0%	0%
Cộng				
				218.144.021.376

Công ty không xác định giá trị hợp lý của các công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng do chưa có hướng dẫn cụ thể và nhất quán về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 01/01/2015 và 30/06/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư AQUA	2.902.900.000	(2.902.900.000)	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư khác	215.432.633.936	215.432.633.936	211.546.226.410	211.546.226.410

Số dư các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện giá trị đầu tư góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Kiến trúc và Môi trường	2.580.195.998	2.580.195.998
Phải trả người bán là các bên liên quan		
(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 29)	16.598.153.671	20.350.002.087
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	16.598.153.671	20.350.002.087
Các đối tượng khác	637.436.875	5.758.297.106
Cộng	19.815.786.544	28.688.495.191

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.704.908.949	1.704.908.949	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.134.815	761.468.301	721.187.398	42.415.718
Các loại thuế khác	-	29.122.209	29.122.209	-
Cộng	2.134.815	2.495.499.459	2.455.218.556	42.415.718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí thi công, lắp đặt trích trước	8.960.511.539	10.926.576.313
Chi phí lãi vay phải trả	4.633.654.079	4.598.963.856
Chi phí phải trả khác	22.299.989	136.680.909
Cộng	13.616.465.607	15.662.221.078

18. PHẢI TRẢ KHÁC

Ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Bảo hiểm xã hội	2.875.851	7.230.438
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	47.864.767.358	499.548.667
<i>Công ty Cấp thoát Nước Thành phố</i>	451.242.467	451.242.467
<i>Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)</i>	36.904.542.255	-
<i>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (ii)</i>	10.000.000.000	-
<i>Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia</i>	160.000.000	-
<i>Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	338.323.439	-
<i>Các đối tượng khác</i>	10.659.197	48.306.200
Cộng	47.867.643.209	506.779.105

Dài hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	78.252.220.500	78.252.220.500
<i>Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII (iii)</i>	78.000.000.000	78.000.000.000
<i>Đối tượng khác</i>	252.220.500	252.220.500
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	957.448.638.146	701.279.248.049
<i>Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)</i>	957.448.638.146	701.279.248.049
Cộng	1.035.700.858.646	779.531.468.549

(i) Số dư khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn khác lần lượt thể hiện khoản phí nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của các công ty dự án cầu đường và tiền lãi phát sinh còn phải trả cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 căn cứ theo các hợp đồng chuyển nhượng được ký kết giữa hai công ty (xem chi tiết tại Thuyết minh số 31). Công ty có nghĩa vụ thanh toán lãi chậm trả phí chuyển nhượng với lãi suất là 11%/năm.

(ii) Số dư phải trả cho Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu thể hiện khoản tiền nhận tạm ứng lợi nhuận từ công ty liên kết này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu chưa công bố chính thức việc phân chia lợi nhuận nên Công ty chưa ghi nhận khoản tiền nêu trên vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

((iii) Số dư tiền nhận ký quỹ, ký cược từ Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII để mua lại toàn bộ cổ phần của Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia mà Công ty đang nắm giữ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát đối với công ty Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Ngắn hạn

	01/01/2015		Trong kỳ		30/06/2015	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	VND	VND	VND	Giá trị VND	VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	-	-	807.850.500.000	9.000.000.000	798.850.500.000	798.850.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Sài Gòn (ii)	-	-	140.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	58.280.000.000	58.280.000.000	62.828.000.000	58.280.000.000	62.828.000.000	62.828.000.000
Cộng	58.280.000.000	58.280.000.000	1.010.678.500.000	137.280.000.000	931.678.500.000	931.678.500.000

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng hỗ trợ vốn tái cấu trúc số 68/2014/HĐ-CII ngày 22 tháng 9 năm 2014 và hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HĐ-CII ngày 13 tháng 4 năm 2015. Mục đích của khoản vay là để đầu tư góp vốn thành lập công ty con và bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay bằng với lãi suất Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tại thời điểm nhận tiền vay, thời hạn vay được quy định trong từng công văn cụ thể cho từng lần giải ngân.

(ii) Số dư nợ vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn theo hợp đồng số 02/2015/5582302/HĐTD ký ngày 4 tháng 3 năm 2015. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay này là 200 tỷ đồng, lãi suất vay được xác định theo từng khe ước nhận nợ cụ thể và theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng kỳ. Thời hạn vay được quy định trong từng khe ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và phát hành bảo lãnh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Dài hạn

	01/01/2015		Trong kỳ		30/06/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	-	-	19.500.000.000	-	19.500.000.000	19.500.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn (iv)	233.186.899.750	233.186.899.750	-	29.140.000.000	204.046.899.750	204.046.899.750
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Sài Gòn (v)	-	-	219.000.000.000	5.000.000.000	214.000.000.000	214.000.000.000
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(58.280.000.000)	(58.280.000.000)	(62.828.000.000)	(58.280.000.000)	(62.828.000.000)	(62.828.000.000)
Cộng	174.906.899.750	174.906.899.750	175.672.000.000	(24.140.000.000)	374.718.899.750	374.718.899.750

(iii) Khoản vay dài hạn từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 36/2015/HĐ-CII ngày 21 tháng 4 năm 2015. Mục đích của khoản vay là để đầu tư góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Lãi suất vay bằng với lãi suất ngân hàng TMCP Xuất nhập Khẩu Việt Nam tại thời điểm nhận tiền vay, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân.

(iv) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn nhằm mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 275 tỷ đồng, thời hạn giải ngân đến hết ngày 21 tháng 10 năm 2016. Thời hạn vay được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 48 tháng. Lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân là 10%/năm, lãi suất này được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng một lần. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(v) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 04/2015/5582302/HĐTD ngày 19 tháng 6 năm 2015 nhằm mục đích thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 219 tỷ đồng, thời hạn vay là 102 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Lãi suất thả nổi và được điều chỉnh sáu tháng một lần vào các ngày 1 tháng 1 và 1 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	62.828.000.000	58.280.000.000
Trong năm thứ hai	64.627.000.000	58.280.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	134.816.899.750	116.626.899.750
Sau năm năm	175.275.000.000	-
Cộng	437.546.899.750	233.186.899.750
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(62.828.000.000)	(58.280.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	374.718.899.750	174.906.899.750

Thông tin thuyết minh bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Toàn bộ tiền thu từ đi vay và trả nợ gốc vay phát sinh trong kỳ đều liên quan đến các hợp đồng vay theo kế ước thông thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	151.507.190.000	53.265.105.182	(5.362.083.904)	4.421.715.378	23.465.703.084	227.297.629.740
Tăng vốn trong năm	73.662.360.000	(53.230.105.182)	-	-	(20.432.254.818)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	75.182.986.386	75.182.986.386
Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-	(35.000.000)	-	-	-	(35.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính	-	-	-	3.759.149.000	(3.759.149.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.518.298.000)	(7.518.298.000)
Tại ngày 01/01/2015	225.169.550.000	-	(5.362.083.904)	8.180.864.378	66.938.987.652	294.927.318.126
Tăng vốn trong kỳ	503.378.100.000	-	-	-	-	503.378.100.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	42.142.632.505	42.142.632.505
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	3.807.748.096	5.362.083.904	-	-	9.169.832.000
Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-	(150.000.000)	-	-	-	(150.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.518.494.000)	(26.518.494.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(375.914.932)	(375.914.932)
Tại ngày 30/06/2015	728.547.650.000	3.657.748.096	-	8.180.864.378	82.187.211.225	822.573.473.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phần

	30/06/2015 Cổ phần	01/01/2015 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	72.854.765	22.516.955
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	72.854.765	22.516.955
+ Cổ phần phổ thông	72.854.765	22.516.955
Số lượng cổ phần được mua lại	-	418.210
+ Cổ phần phổ thông	-	418.210
Số lượng cổ phần đang lưu hành	72.854.765	22.098.745
+ Cổ phần phổ thông	72.854.765	22.098.745
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần.		

Cổ tức

Trong kỳ, Công ty thực hiện chia cổ tức với tỷ lệ 12% theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 23 tháng 4 năm 2015.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu bán hàng	467.080.400	20.418.775.045
Doanh thu cung cấp dịch vụ	912.192.079	12.233.569.308
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	92.363.671.420	66.689.560.913
Doanh thu căn hộ Lữ Gia	804.188.377	6.399.639.058
Cộng	94.547.132.276	105.741.544.324

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	295.446.000	410.217.208
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	3.195.892.395	3.241.385.979
Cộng	3.491.338.395	3.651.603.187

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giảm giá hàng bán	77.253.499	255.188.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	467.080.400	17.716.723.610
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	90.486.977	5.837.990.919
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	91.597.389.568	57.722.400.715
Giá vốn căn hộ Lữ Gia	463.026.203	5.387.396.814
Cộng	92.617.983.148	86.664.512.058

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.345.417.673	943.478.032
Cổ tức, lợi nhuận được chia	95.757.310.618	-
Lãi phát sinh từ dự án góp vốn đầu tư	15.099.261.574	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	433.924	284.136
Cộng	115.202.423.789	943.762.168

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền vay	26.413.266.122	6.645.792.177
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	765.475.990	-
Lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng (i)	44.498.112.159	-
Chi phí tài chính khác	18.699.100	-
Cộng	71.695.553.371	6.645.792.177

(i) Chi phí lãi chậm thanh toán phí nhận chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp của các công ty dự án cầu đường cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí lương nhân viên	535.478.521	1.448.432.696
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	302.244.791	129.222.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.387.206	-
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	874.774.000	-
Chi phí thuê văn phòng	210.000.000	-
Chi phí tiếp khách	81.283.363	234.966.815
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	913.997.968	764.783.418
Cộng	2.930.165.849	2.577.405.192

Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí lương nhân viên	-	453.270.991
Chi phí hoa hồng bán hàng	50.673.155	281.631.585
Chi phí vận chuyển hàng bán	69.000.000	962.323.818
Các khoản chi phí bán hàng khác	206.394.652	206.758.032
Cộng	326.067.807	1.903.984.426

Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(33.572.121)	(162.830.000)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	-	698.363.536
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	698.363.536

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	42.142.632.505	8.601.551.664
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	61.791.593	15.150.719
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	682	568

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 4 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; hoạt động cho thuê mặt bằng và hoạt động kinh doanh mua bán căn hộ.

Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: sản xuất kinh doanh cần đèn, trụ đèn, trụ điện lực, thiết bị điện;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cho thuê mặt bằng: cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Hoạt động kinh doanh mua bán căn hộ: kinh doanh bán căn hộ tại dự án 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh bán hàng	Thi công lắp đặt, duy tu công trình	Dịch vụ cho thuê mặt bằng	Bán căn hộ Lữ Gia	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	467.080.400	92.363.671.420	912.192.079	726.934.878	94.469.878.777
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Cộng	467.080.400	92.363.671.420	912.192.079	726.934.878	94.469.878.777
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	467.080.400	91.597.389.568	90.486.977	463.026.203	92.617.983.148
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Cộng	467.080.400	91.597.389.568	90.486.977	463.026.203	92.617.983.148
Lợi nhuận gộp bộ phận	-	766.281.852	821.705.102	263.908.675	1.851.895.629

Doanh thu hoạt động tài chính
Chi phí tài chính
Chi phí bán hàng
Chi phí quản lý doanh nghiệp
Thu nhập khác
Chi phí khác
Chi phí thuế TNDN hiện hành
Tổng lợi nhuận sau thuế

115.202.423.789
71.695.553.371
326.067.807
2.896.593.728
27.625.420
21.097.427
42.142.632.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Chi tiêu	Sản xuất, kinh	Thi công lắp đặt,	Dịch vụ cho thuê	Bán căn hộ	Tổng cộng
	doanh bán hàng	duy tu công trình	mặt bằng	Lữ Gia	
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	20.418.775.045	66.689.560.913	12.233.569.308	6.144.450.324	105.486.355.590
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Cộng	20.418.775.045	66.689.560.913	12.233.569.308	6.144.450.324	105.486.355.590
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	17.716.723.610	57.722.400.715	5.837.990.919	5.387.396.814	86.664.512.058
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Cộng	17.716.723.610	57.722.400.715	5.837.990.919	5.387.396.814	86.664.512.058
Lợi nhuận gộp bộ phận	2.702.051.435	8.967.160.198	6.395.578.389	757.053.510	18.821.843.532
Doanh thu hoạt động tài chính					943.762.168
Chi phí tài chính					6.645.792.177
Chi phí bán hàng					1.903.984.426
Chi phí quản lý doanh nghiệp					2.414.575.192
Thu nhập khác					578.871.588
Chi phí khác					80.210.293
Chi phí thuế TNDN hiện hành					698.363.536
Tổng lợi nhuận sau thuế					8.601.551.664

712
G
EMH
OÁY
TÀI C
T
T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.306.397.399.750	233.186.899.750
Trừ: Tiền	(3.170.311.919)	(7.460.931.974)
Nợ thuần	1.303.227.087.831	225.725.967.776
Vốn chủ sở hữu	822.573.473.699	294.927.318.126
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	158%	77%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	3.170.311.919	7.460.931.974
Phải thu khách hàng	54.406.286.206	50.751.331.320
Phải thu về cho vay	308.567.000.000	-
Phải thu khác	113.466.301.056	46.435.188.401
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.756.564.087.334	1.238.738.302.478
Cộng	3.236.173.986.515	1.343.385.754.173
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.306.397.399.750	233.186.899.750
Phải trả người bán	19.815.786.544	28.688.495.191
Phải trả khác	1.005.568.501.855	702.038.247.654
Cộng	2.331.781.688.149	963.913.642.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính gồm có rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	22.310.725	22.005.394

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty được đánh giá ở mức độ không trọng yếu bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các đối tác kinh doanh lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2015			
Tài sản tài chính			
Tiền	3.170.311.919	-	3.170.311.919
Phải thu khách hàng	54.406.286.206	-	54.406.286.206
Phải thu về cho vay	-	308.567.000.000	308.567.000.000
Phải thu khác	113.466.301.056	-	113.466.301.056
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	2.756.564.087.334	2.756.564.087.334
Cộng	171.042.899.181	3.065.131.087.334	3.236.173.986.515
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	931.678.500.000	374.718.899.750	1.306.397.399.750
Phải trả người bán	19.815.786.544	-	19.815.786.544
Phải trả khác	47.867.643.209	957.700.858.646	1.005.568.501.855
Cộng	999.361.929.753	1.332.419.758.396	2.331.781.688.149
Chênh lệch thanh khoản thuần	(828.319.030.572)	1.732.711.328.938	904.392.298.366
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015			
Tài sản tài chính			
Tiền	7.460.931.974	-	7.460.931.974
Phải thu khách hàng	50.751.331.320	-	50.751.331.320
Phải thu khác	46.435.188.401	-	46.435.188.401
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	1.238.738.302.478	1.238.738.302.478
Cộng	104.647.451.695	1.238.738.302.478	1.343.385.754.173
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	58.280.000.000	174.906.899.750	233.186.899.750
Phải trả người bán	28.688.495.191	-	28.688.495.191
Phải trả khác	506.779.105	701.531.468.549	702.038.247.654
Cộng	87.475.274.296	876.438.368.299	963.913.642.595
Chênh lệch thanh khoản thuần	17.172.177.399	362.299.934.179	379.472.111.578

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Phát triển Ninh Thuận	Công ty con
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	Công ty con
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Nhận tiền vay hỗ trợ vốn	827.350.500.000	24.552.817.782
Thanh toán tiền vay hỗ trợ vốn	9.000.000.000	118.545.592.945
Nhận vốn góp	357.000.000.000	-
Nhận chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty dự án cầu đường	1.049.920.010.784	-
Chi phí lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp các công ty dự án cầu đường	56.625.446.939	-
Thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty dự án cầu đường	775.293.155.214	-
Thanh toán lãi do chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty dự án cầu đường	34.464.034.703	-
Lãi phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	15.099.261.574	-
Thu tiền lợi nhuận theo hợp đồng hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	7.389.543.057	-
Thu tiền hoàn vốn góp đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư cầu Rạch Chiếc	21.640.673.340	-
Chi phí lãi vay hỗ trợ vốn	16.424.989.688	2.539.085.917
Thanh toán lãi vay hỗ trợ vốn	5.980.000.000	-
Thanh toán cổ tức	15.570.982.800	-
Nhận tiền cho thuê mặt bằng	324.990.000	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	295.446.000	410.217.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Doanh thu thi công xây lắp	3.195.892.395	3.241.385.979
Thu tiền thi công xây lắp công trình	5.271.235.099	-
Lợi nhuận chuyển về từ công ty con	<u>15.669.632.504</u>	<u>-</u>
Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn		
Lợi nhuận chuyển về từ công ty con	80.087.678.114	-
Công ty con mua lại cổ phiếu quỹ	<u>3.900.000.000</u>	<u>-</u>
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia		
Chi phí thi công xây lắp, duy tu công trình	82.990.823.024	-
Thanh toán tiền thi công xây lắp công trình	95.428.629.585	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	160.000.000	-
Thu tiền bán hàng	5.316.408.508	-
Chi phí mua hàng hóa	<u>467.080.400</u>	<u>-</u>
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia		
Thu tiền thanh lý bất động sản đầu tư	18.123.403.068	-
Chuyển tiền hỗ trợ vốn tái cấu trúc	400.000.000	-
Thu tiền hỗ trợ vốn tái cấu trúc	155.000.000	-
Chi phí thuê mặt bằng	210.000.000	-
Thanh toán tiền thuê mặt bằng	<u>462.000.000</u>	<u>-</u>

177
 NG
 HIỆM
 TO
 TÀI
 ỐC
 SÀI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
PHẢI THU		
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Phải thu gốc và lãi hợp đồng hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	9.920.609.979	29.030.216.397
Phải thu tiền thuê mặt bằng	324.990.000	-
Phải thu lãi phát sinh từ góp vốn hợp tác kinh doanh	-	9.238.174.206
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Nhận trước tiền giá trị thi công xây lắp	1.564.160.542	-
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	24.907.806.710	-
Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn		
Phải thu giá trị thi công xây lắp	225.643.033	225.643.033
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	84.072.539.545	84.861.431
Phải thu tiền bán cổ phiếu quỹ	3.900.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Phát triển Ninh Thuận		
Phải thu giá trị thi công xây lắp	424.752.103	-
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII		
Phải thu bán hàng và giá trị thi công xây lắp	850.996.290	850.996.290
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia		
Phải thu từ thanh lý TSCĐ và bất động sản đầu tư	-	18.123.403.068
Phải thu khác - cho vay	250.000.000	5.000.000
Ứng trước tiền cho thuê mặt bằng	115.500.000	-
Phải thu tiền chi nộp hộ bảo hiểm xã hội	-	1.046.388
PHẢI TRẢ		
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Phải trả nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong các công ty cầu đường	957.448.638.146	701.279.248.049
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia		
Phải trả thi công xây lắp	16.084.365.231	20.350.002.087
Phải trả về sản xuất	513.788.440	-
Phải trả tiền hỗ trợ vốn	160.000.000	-
Doanh thu chưa thực hiện	246.201.729	246.202.274
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII		
Nhận ký quỹ tiền mua cổ phần	78.000.000.000	78.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lương và thưởng	<u>409.960.000</u>	<u>581.996.000</u>

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 23 tháng 4 năm 2015 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2015, ngày 21 tháng 7 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc chào bán riêng lẻ 1.200 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi cho nhà đầu tư chiến lược là Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích phát hành trái phiếu chuyển đổi là để hoán đổi các khoản nợ gốc và lãi phát sinh từ các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong các công ty cầu đường.

C.T.T.
IAN
A
NH
HA NH

K. C. T. T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09a-DN

33. THÔNG TIN SO SÁNH

Như đã nêu tại Thuyết minh số 2, Công ty áp dụng Thông tư số 200 vào việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Để thông tin trên Báo cáo tài chính riêng có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Mã số	Trình bày lại theo Thông tư 200		Số đã kiểm toán (trình bày theo Quyết định 15)		
	Chỉ tiêu	01/01/2015	Mã số	Chỉ tiêu	
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	46.996.363.768	135	5. Các khoản phải thu khác	46.967.439.768
155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	158	4. Tài sản ngắn hạn khác	28.924.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.902.900.000	258	3. Đầu tư dài hạn khác	214.449.126.410
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.902.900.000)	259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(2.902.900.000)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	211.546.226.410	417	7. Quỹ đầu tư phát triển	7.555.936.134
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	8.180.864.378	418	8. Quỹ dự phòng tài chính	624.928.244



Dương Thị Nhung

Người lập biểu

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Văn Thông

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc